

Số: 12/QĐ-UBND

Ia Kriêng, ngày 21 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả tại  
Bộ phận Một cửa UBND xã Ia Kriêng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ IA KRIÊNG**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018 ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Văn phòng - Thống kê xã Ia Kriêng,

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 165 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của UBND xã (có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính không nằm trong phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã hết hiệu lực giải quyết kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Các công chức chuyên môn có trách nhiệm tổ chức niêm yết Danh mục, nội dung chi tiết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực mình phụ trách tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã.

Các Công chức chuyên môn có trách nhiệm tiếp tục rà soát tham mưu UBND xã công bố kịp thời các danh mục thủ tục hành chính mới, bãi bỏ sửa đổi bổ sung theo quy định.

**Điều 3.** Văn phòng - Thống kê, các Công chức chuyên môn, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 3;
- UBND huyện (để báo cáo);
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã;
- Bưu điện xã
- Cổng thông tin điện tử xã
- Lưu: VT, VP.



**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Thịnh**



**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỦA**  
**CỦA UBND XÃ IA KRIENG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 12 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2020 của UBND xã)*

| STT                                       | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                    |                                                                   | Quyết định công bố                                                |
|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1. Lĩnh vực Đường thủy nội địa – đường bộ |                                                                                                                                                                                                           |                                                                   |                                                                   |
| 01                                        | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa                                                                                        | Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh. |                                                                   |
| 02                                        | Thủ tục cấp GCN đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                                                                                                    |                                                                   |                                                                   |
| 03                                        | Cấp giấy đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa                                                                            |                                                                   |                                                                   |
| 04                                        | Thủ tục cấp GCN đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật                                                                                                     |                                                                   |                                                                   |
| 05                                        | Thủ tục cấp GCN đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                                                          |                                                                   |                                                                   |
| 06                                        | Thủ tục cấp GCN đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                          |                                                                   |                                                                   |
| 07                                        | Thủ tục cấp GCN đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh                          |                                                                   |                                                                   |
| 08                                        | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa                                                                                                                                          |                                                                   |                                                                   |
| 09                                        | Thủ tục xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa                                                                                                                                                              |                                                                   |                                                                   |
| 10                                        | Thủ tục cấp phù hiệu hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự.<br>(Thủ tục hành chính đặc thù của tỉnh ban hành) |                                                                   | Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 2. Lĩnh vực Thủy lợi                      |                                                                                                                                                                                                           |                                                                   |                                                                   |



|                                                     |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                   |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 11                                                  | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự án cho UBND cấp xã thực hiện) | Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 12                                                  | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                   | Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 13                                                  | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                                                              |                                                                   |
| <b>3. Lĩnh vực Trồng trọt</b>                       |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                   |
| 14                                                  | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa                                                                                                                                                                                               | Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh  |
| <b>4. Lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường</b> |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                   |
| 15                                                  | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương                                                                                                                                                                                                    | Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh   |
| <b>5. Lĩnh vực phòng chống thiên tai</b>            |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                   |
| 16                                                  | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu                                                                                                                                                                  | Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh   |
| 17                                                  | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh                                                                                                                                                                                     |                                                                   |
| 18                                                  | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai                                                                                                                                                                                     |                                                                   |
| <b>6. Lĩnh vực Đất đai – Môi trường</b>             |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                   |
| 19                                                  | Đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng (Thu tục hành chính đặc thù của tỉnh ban hành)                                                                                                                       | Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh   |
| 20                                                  | Hoà giải tranh chấp đất đai                                                                                                                                                                                                                  | Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh   |



|                            |                                                                                                                 |                                                                    |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 21                         | Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường                                          | Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 22                         | Xác nhận hợp đồng tiếp nhận nguồn gen và chia sẻ lợi ích                                                        | Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.   |
|                            |                                                                                                                 |                                                                    |
|                            |                                                                                                                 |                                                                    |
| <b>7. Lĩnh vực Tư pháp</b> |                                                                                                                 |                                                                    |
| 23                         | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi | Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 24                         | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi                     |                                                                    |
| 25                         | Đăng ký khai tử và xóa đăng ký thường trú đối với người chết có đăng ký thường trú tại tỉnh Gia Lai             | Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.   |
| 26                         | Đăng ký khai sinh                                                                                               |                                                                    |
| 27                         | Đăng ký khai tử                                                                                                 |                                                                    |
| 28                         | Đăng ký khai sinh lưu động                                                                                      |                                                                    |
| 29                         | Đăng ký khai tử lưu động                                                                                        |                                                                    |
| 30                         | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới                                                    |                                                                    |
| 31                         | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới                                                      |                                                                    |
| 32                         | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới                                                      |                                                                    |
| 33                         | Đăng ký giám hộ                                                                                                 | Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |
| 34                         | Đăng ký chấm dứt giám hộ                                                                                        |                                                                    |
| 35                         | Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.                                                                           |                                                                    |
| 36                         | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân                                                                           | Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.   |
| 37                         | Đăng ký lại khai sinh                                                                                           |                                                                    |
| 38                         | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                        |                                                                    |



|    |                                                                                                                                                                 |                                        |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 39 | Đăng ký lại khai tử                                                                                                                                             | tịch UBND tỉnh.                        |
| 40 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                                                   |                                        |
| 41 | Đăng ký kết hôn                                                                                                                                                 |                                        |
| 42 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con                                                                                                                                       |                                        |
| 43 | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con                                                                                                             |                                        |
| 44 | Đăng ký kết hôn lưu động                                                                                                                                        |                                        |
| 45 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới                                                                                            | Quyết định số ngày Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 46 | Đăng ký lại kết hôn                                                                                                                                             |                                        |
| 47 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                       |                                        |
| 48 | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                           | Quyết định số ngày Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 49 | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi                                                   | Quyết định số ngày Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 50 | Cấp bản sao từ sổ gốc                                                                                                                                           | Quyết định số ngày Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 51 | Chúng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chúng nhận                                              |                                        |
| 52 | Chúng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chúng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chúng thực không thể ký, điểm chỉ được) |                                        |
| 53 | Chúng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                                                                    |                                        |
| 54 | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                                                                       |                                        |
| 55 | Cấp bản sao có chúng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chúng thực                                                                                   |                                        |
| 56 | Chúng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                                      | Quyết định số ngày Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 57 | Chúng thực văn bản từ chối nhận di sản                                                                                                                          |                                        |
| 58 | Chúng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                                  |                                        |
| 59 | Chúng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                                             | Quyết định số ngày Chủ tịch UBND tỉnh. |



|    |                                                                                                  |                   |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 60 | Chứng thực di chúc                                                                               | tịch UBND tỉnh.   |
| 61 | Thủ tục công nhận hòa giải viên                                                                  | Quyết định số     |
| 62 | Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải                                                          | 966/QĐ-UBND ngày  |
| 63 | Thủ tục thôi làm hòa giải viên                                                                   | 20/9/2018 của Chủ |
| 64 | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên                                                     | tịch UBND tỉnh.   |
| 65 | Công nhận tuyên truyền viên pháp luật                                                            | Quyết định số     |
|    |                                                                                                  | 736/QĐ-UBND ngày  |
|    |                                                                                                  | 26/7/2018 của Chủ |
|    |                                                                                                  | tịch UBND tỉnh.   |
| 66 | Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật                                                           | Quyết định số     |
|    |                                                                                                  | 736/QĐ-UBND ngày  |
|    |                                                                                                  | 26/7/2018 của Chủ |
|    |                                                                                                  | tịch UBND tỉnh.   |
| 67 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Quyết định số     |
|    |                                                                                                  | 710/QĐ-UBND ngày  |
|    |                                                                                                  | 20/7/2018 của Chủ |
|    |                                                                                                  | tịch UBND tỉnh.   |

#### 8. Lĩnh vực Dân tộc

|    |                                                                                     |                    |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 68 | Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc miền núi giai đoạn 2016-2020 | Quyết định số      |
|    |                                                                                     | 156/QĐ-UBND ngày   |
|    |                                                                                     | 20/2/2017 của Chủ  |
|    |                                                                                     | tịch UBND tỉnh.    |
| 69 | Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số               | Quyết định số      |
|    |                                                                                     | 723/QĐ-UBND ngày   |
|    |                                                                                     | 24/7/2018 của Chủ  |
|    |                                                                                     | tịch UBND tỉnh.    |
| 70 | Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số                           | Quyết định số      |
|    |                                                                                     | 723/QĐ-UBND ngày   |
|    |                                                                                     | 24/7/2018 của UBND |
|    |                                                                                     | tỉnh               |

#### 9. Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng và Tôn giáo

|    |                                                                                                           |                   |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 71 | Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị | Quyết định số     |
|    |                                                                                                           | 1122/QĐ-UBND ngày |



|    |                                                                                                                              |                                                                  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 72 | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến                                                                                    | 09/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.                               |
| 73 | Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề                                |                                                                  |
| 74 | Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất                                                       |                                                                  |
| 75 | Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình                                                                 |                                                                  |
| 76 | Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh danh Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"                                                      | Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 77 | Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"                                                   |                                                                  |
| 78 | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng                                                                                         |                                                                  |
| 79 | Thủ tục đăng ký bỏ sung hoạt động tín ngưỡng                                                                                 |                                                                  |
| 80 | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                                                 | Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 81 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                         |                                                                  |
| 82 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bỏ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                 |                                                                  |
| 83 | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                |                                                                  |
| 84 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã                                          |                                                                  |
| 85 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác                                           |                                                                  |
| 86 | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                     |                                                                  |
| 87 | Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |                                                                  |

#### 10. Lĩnh vực Văn hóa – Lễ hội

|    |                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                    |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 88 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội <a href="http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-ttth.aspx?path=danh-sach-ttth&amp;itemId=564568">http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-ttth.aspx?path=danh-sach-ttth&amp;itemId=564568</a> | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 89 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm                                                                                                                                                                                                         | Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |



|                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                   |
|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 90                                                   | Thủ tục xét tặng giấy khen gia đình văn hóa                                                                                                                                                                                                                          | Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| <b>11. Lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                   |
| 91                                                   | Xử lý đơn tại cấp xã                                                                                                                                                                                                                                                 | Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 92                                                   | Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã                                                                                                                                                                                                                              |                                                                   |
| 93                                                   | Giải quyết tố cáo tại cấp xã                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                   |
| 94                                                   | Tiếp công dân tại cấp xã                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                   |
| <b>12. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                   |
| 95                                                   | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                | Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |
| 96                                                   | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập <a href="http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?path=danh-sach-tthc&amp;ItemID=546267">http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?path=danh-sach-tthc&amp;ItemID=546267</a> |                                                                   |
| 97                                                   | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại                                                                                                                                                                                                   |                                                                   |
| 98                                                   | Sắp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                                                                                                                                                                                                  | Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |
| 99                                                   | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)                                                                                                                                                                        |                                                                   |
| 100                                                  | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục                                                                                                                                          | Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh.           |
| <b>13. Lĩnh vực Dân số</b>                           |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                   |
| 101                                                  | Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số                                                                                                                                                                                            | Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |
| <b>14. Lĩnh vực Công sản</b>                         |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                   |
| 102                                                  | Quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một gói mua sắm để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư                                                                             | Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |



|     |                                                                                                                                            |                 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 103 | Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công               | tịch UBND tỉnh. |
| 104 | Quyết định bán tài sản công                                                                                                                |                 |
| 105 | Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ |                 |
| 106 | Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công                                                                                      |                 |
| 107 | Quyết định thanh lý tài sản công                                                                                                           |                 |
| 108 | Quyết định tiêu hủy tài sản công                                                                                                           |                 |
| 109 | Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại                                                                         |                 |

#### 15. Lĩnh vực Chính sách

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 110 | Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp GCN đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ                                                                                                                                      | Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 111 | Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã được phục viên, xuất ngũ                                                                                                                                                         | Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh    |
| 112 | Thủ tục giải quyết chế độ một lần đối với thân nhân của quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ từ trần                                                                                                                                        |                                                                    |
| 113 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp giấy chứng nhận dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế                                                                                                                                                                             |                                                                    |
| 114 | Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu là phục viên, xuất ngũ, thôi việc                                                                               |                                                                    |
| 115 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần) |                                                                    |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                               |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 116 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến thanh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế có đủ từ 15 năm đến 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc                                                                                                            | Quyết định số 08/QĐ-UBND<br>04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 117 | Thủ tục giải quyết chế độ phụ cấp một lần đối với quân nhân người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng) | Quyết định số 08/QĐ-UBND<br>04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 118 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng, dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết                                |                                                               |
| 119 | Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành, cán bộ xã phường thị trấn; công an xã, thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết.)                                                                              |                                                               |
| 120 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã phường thị trấn; công an xã, thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết.                                                    |                                                               |
| 121 | Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp hy sinh từ 31/12/1994 trở về trước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Quyết định số 08/QĐ-UBND<br>04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 122 | Thủ tục xác nhận đối với người bị thương đã chuyển ra ngoài quân đội chưa được giám định thương tật                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                               |
| 123 | Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với trường hợp mất tin, mất tích quy định tại Điều K Khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP sau khi cơ quan có thẩm quyền kết luận chưa có chứng cứ phản bội, đầu hàng, chiêu hồi, đào ngũ                                                                                                                                                                         |                                                               |
| 124 | Thủ tục cấp lại hồ sơ và giải quyết truy lĩnh trợ cấp thương tật đối với thương binh ngừng hưởng do khách quan hoặc thất lạc hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                               |



|                                              |                                                                                                                                                                                        |                                                                  |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 125                                          | Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại Điều h Khoản 1 Điều 33 của Nghị định số 31/2013/ND-CP                                    |                                                                  |
| 16. Lĩnh vực Nghĩa vụ Quân sự                |                                                                                                                                                                                        |                                                                  |
| 126                                          | Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu                                                                                                                                                       | Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 127                                          | Đăng ký trong ngạch dự bị                                                                                                                                                              |                                                                  |
| 128                                          | Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung                                                                                                                                                       |                                                                  |
| 129                                          | Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập                                                                                                  |                                                                  |
| 130                                          | Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập                                                                                                 |                                                                  |
| 131                                          | Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng                                                                                                                                                      |                                                                  |
| 132                                          | Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến                                                                                                                                                   |                                                                  |
| 17. Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội |                                                                                                                                                                                        |                                                                  |
| 133                                          | Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi | Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh  |
| 134                                          | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế                                                                       | Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 135                                          | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cả nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em                                             |                                                                  |
| 136                                          | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cả nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em                                    |                                                                  |
| 137                                          | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt                                             | Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 138                                          | Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ                                                                                                                                    | Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày                                   |



|     |                                                                                                          |                                                                  |  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--|
|     |                                                                                                          | 27/2/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.                                |  |
| 139 | Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần                  | Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 27/2/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh. |  |
| 140 | Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần                      | Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 27/2/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh. |  |
| 141 | Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ | Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh. |  |
| 142 | Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ                    | Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh. |  |
| 143 | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật                                 | Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh. |  |
| 144 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn                  | Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh. |  |
| 145 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở                                             | Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh. |  |
| 146 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng                                                      |                                                                  |  |
| 147 | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật                                                                    |                                                                  |  |
| 148 | Công nhận hộ nghèo, công nhận hộ cận nghèo phát sinh trong năm                                           | Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày                                   |  |



|                                                    |                                                                                                                                                                                                  |                                                                   |
|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|                                                    |                                                                                                                                                                                                  | 28/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh                                  |
| 149                                                | Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình (thủ tục bổ sung)                                                                                                                    |                                                                   |
| 150                                                | Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng (thủ tục bổ sung)                                                                                                                           | Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh   |
| 151                                                | Thủ tục “Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân”                                                                                                                    |                                                                   |
| 152                                                | Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế    | Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 153                                                | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm                                                                                                                                           |                                                                   |
| 154                                                | Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi                                                                                                                                                           |                                                                   |
| 155                                                | Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến                                                                                                        | Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 156                                                | Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến                                                                                                           |                                                                   |
| 157                                                | Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em                                        |                                                                   |
| 158                                                | Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ |                                                                   |
| 159                                                | Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ                                                                                                                                          |                                                                   |
| <b>18. Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện</b> |                                                                                                                                                                                                  |                                                                   |
| 160                                                | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã                                                   | Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh   |
| 161                                                | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã                                                           |                                                                   |
| <b>19. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>            |                                                                                                                                                                                                  |                                                                   |
| 162                                                | Yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại                                                                                                            | Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh   |



| 20. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác |                                             |                                                                   |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 163                                                | Thông báo thành lập tổ hợp tác              | Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 164                                                | Thông báo thay đổi tổ hợp tác               |                                                                   |
| 165                                                | Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác |                                                                   |